

Số: 99 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 31 tháng 7 năm 2023

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;*

*Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần Khách sạn Đầu tư Kim Sơn ngày 24 tháng 7 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3378/TTr-CCBVMT ngày 28 tháng 7 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty cổ phần Khách sạn Đầu tư Kim Sơn, địa chỉ trụ sở chính tại số 15/9 khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư Khu chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ văn phòng tại số 15/9 khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ văn phòng.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 15/9 khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 3700146867 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp; đăng ký lần đầu vào ngày 08 tháng 11 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng





6 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 3700146867

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: đầu tư xây dựng chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ - văn phòng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án số 3009/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại số 2341/QĐ-UBND ngày 16 tháng 06 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An thì Dự án thuộc nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công*). Dự án thuộc loại hình dự án đầu tư mới.

- Theo Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Dự án thuộc Dự án đầu tư nhóm II.

- Tổng diện tích dự án 10.645,9m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Đất công trình chung cư: 5.613,8m<sup>2</sup>

+ Đất công trình hạ tầng kỹ thuật: 15m<sup>2</sup>

+ Đất cây xanh vườn hoa: 2.242,1m<sup>2</sup>

+ Đất giao thông: 2.740,1m<sup>2</sup>

+ Đất hành lang an toàn đường bộ đường Xuyên Á: 34,9m<sup>2</sup>

- Công suất: Khu chung cư 40 tầng nổi (*bao gồm tầng lánh nạn*), 02 tầng hầm (*tầng hầm 1 có sàn lửng*); quy mô 1.567 căn hộ (*trong đó 1.319 căn hộ chung cư, 226 căn văn phòng kết hợp lưu trú và 22 căn hộ thương mại dịch vụ, 01 trường mầm non (nhà trẻ)*), dân số 3.287 người.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Khách sạn Đầu tư Kim Sơn được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Khách sạn Đầu tư Kim Sơn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 31... tháng 11... năm 2023 đến ngày 31... tháng 11... năm 2033).

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án đầu tư Khu chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ văn phòng tại số 15/9 khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Công ty cổ phần Khách sạn Đầu tư Kim Sơn;
- Sở Xây dựng;
- UBND thành phố Dĩ An;
- UBND phường An Bình;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, T.Giang5.



**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Quang Sự**



**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **99** /GPMT-STNMT ngày **31** tháng **7** năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:** Cấp phép trong giai đoạn khu vực dự án chưa được đầu tư mạng lưới thu gom nước thải đô thị. Khi khu vực dự án đã có mạng lưới thu gom nước thải đô thị (*dự kiến vào năm 2027*), Công ty phải thực hiện đấu nối nước thải của Khu chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ văn phòng vào mạng lưới thu gom, xử lý nước thải đô thị của thành phố Dĩ An.

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh các căn hộ chung cư; hoạt động thương mại, văn phòng và trường mầm non với lưu lượng lớn nhất khoảng 262,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 2: Nước thải xám phát sinh từ bồn rửa chén, lavabo, tắm giặt, nấu ăn của căn hộ chung cư, hoạt động thương mại, dịch vụ, trường mầm non với lưu lượng lớn nhất khoảng 612,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 3: Nước thải rửa lọc hồ bơi và nước xả đáy với lưu lượng lớn nhất khoảng 3 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 4: Nước thải phát sinh từ vệ sinh khu lưu chứa, tập kết rác với lưu lượng lớn nhất khoảng 2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** rạch Gò Dưa rồi ra sông Sài Gòn.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Hệ thống thoát nước của khu vực trên đường Lê Trọng Tấn (*đã được Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ CTCP chấp thuận đấu nối nước thải đã qua xử lý đạt quy chuẩn quy định tại Văn bản số 317/TL-DA ngày 09 tháng 05 năm 2023 trong giai đoạn chưa có mạng lưới thu gom nước thải về Chi nhánh xử lý nước thải Dĩ An*).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X (m) = 1.202.626; Y (m) = 610.051 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 880 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (trung bình 36,67m<sup>3</sup>/giờ).

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau khi xử lý (đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1) sẽ bơm trực tiếp theo đường ống PVC D168mm, dài 90m ra đường số 4 (Khu dân cư Bình Đường 2) sau đó theo ống HDPE D300mm, dài khoảng 120m (Công ty tự đầu tư) → Đầu nối vào hố ga thoát nước trên đường Lê Trọng Tấn → Cống thoát nước trên đường Lê Trọng Tấn (BTCT D1.000mm, dài 500m) → Cống hộp thoát nước trên đường An Bình (BTCT 1.000mm x 1.000mm, dài 350m) → Cống thoát nước trên đường Trần Thị Vũng (BTCT 2.500mm x 2.500mm, chiều dài 650m) → Mương cầu Gió Bay (cách dự án khoảng 1.500m) bằng phương án tự chảy theo độ dốc của cống thoát nước → Rạch Gò Dưa → Sông Sài Gòn.

- Hình thức xả: Bơm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500		
5	Sunfua (H <sub>2</sub> S)	mg/L	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	5		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/L	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5		
10	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/L	6		
11	Coliform	MPN/100 mL	3.000		



## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh các tầng của căn hộ chung cư, hoạt động thương mại, dịch vụ, trường mầm non sẽ được thu gom bằng đường ống PVC D114mm - D220mm dẫn về bể tự hoại tại tầng hầm 2 của mỗi tháp (*bể tự hoại tháp 1 thể tích 295 m<sup>3</sup>, bể tự hoại tháp 2 thể tích 80 m<sup>3</sup>, bể tự hoại tháp 3 thể tích 250 m<sup>3</sup>*) để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống HDPE D300mm.

- Nguồn số 02: Nước thải xám từ bồn rửa chén, lavabo, tắm giặt, nấu ăn của căn hộ chung cư, hoạt động thương mại, dịch vụ, trường mầm non được thu gom bằng đường ống riêng uPVC D60mm - D220mm về bể tách dầu mỡ tại tầng hầm 2 của mỗi tháp (*bể tách mỡ tháp 1 thể tích 15 m<sup>3</sup>, bể tách mỡ tháp 2 thể tích 10 m<sup>3</sup>, bể tách mỡ tháp 3 thể tích 20 m<sup>3</sup>*), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống HDPE D300mm.

- Nguồn số 03: Nước rửa lọc và xả đáy hồ bơi được thu gom bằng đường ống PVC D60mm - D220mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống HDPE D300mm.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ vệ sinh khu lưu chứa, tập kết rác được thu gom bằng đường ống PVC D60mm - D114mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống HDPE D300mm.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đen (*sau bể tự hoại*) + Nước thải xám (*sau bể tách dầu mỡ*) + Nước rửa lọc và xả đáy hồ bơi + Nước thải vệ sinh khu lưu chứa, tập kết rác → Bể điều hòa → Bể xử lý sinh học thiếu khí → Bể xử lý sinh học hiếu khí có giá thể → Bể xử lý sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học (*2 bể hoạt động song song*) → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Bể gom → Hồ ga kiểm tra → Đầu nối vào hồ ga thoát nước trên đường Lê Trọng Tấn → Hệ thống thoát nước trên đường Lê Trọng Tấn.

- Công suất thiết kế: 880 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorin, mật rỉ đường, NaOH

#### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép thì Chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NDD-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:



+ Rà soát các công trình, thiết bị xử lý chất thải, quy trình vận hành hệ thống xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm và đưa ra giải pháp khắc phục; cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung (nếu có) các công trình xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường để được hướng dẫn giải quyết; trường hợp cơ quan cấp giấy phép môi trường là Bộ Tài nguyên và Môi trường thì phải gửi thêm cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh để phối hợp giải quyết các vấn đề về môi trường; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

+ Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải hoặc từng hạng mục công trình xử lý chất thải không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải để vận hành lại. Trình tự, thủ tục, thời gian vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải được thực hiện như vận hành thử nghiệm lần đầu.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.

- Khi công trình xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí (bố trí máy dự phòng) của bể hiếu khí khi có sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Dự kiến 03 tháng (từ tháng 4 năm 2025 đến tháng 6 năm 2025).

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí**

- Nước thải đầu vào công trình xử lý nước thải (tại bể điều hòa). Tọa độ: X (m) = 1.202.674; Y(m) = 610.158.

- Nước thải đầu ra sau công trình xử lý nước thải (sau bồn lọc áp lực). Tọa độ: X



(m) = 1.202.667; Y (m) = 610.168 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

**2.3. Tần suất lấy mẫu (trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải):**

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa và 03 mẫu nước thải đầu ra sau bồn lọc áp lực trong 03 ngày liên tiếp).

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Đối với việc đấu nối thoát nước của dự án ra đường Lê Trọng Tấn, yêu cầu Công ty cổ phần Khách sạn Đầu tư Kim Sơn phải phối hợp với Công ty cổ phần Bất động sản Bcons PS thực hiện các nội dung theo Văn bản số 317/TL-DA ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Công ty cổ phần, cụ thể:

- Thi công cải tạo hệ thống thoát nước mưa đường số 4 và đường Lê Trọng Tấn.  
- Thi công nâng cấp tuyến thoát nước mưa đường An Bình (từ điểm giao với đường Lê Trọng Tấn đến điểm giao với đường Trần Thị Vững).

- Tổ chức đấu nối tuyến nước mưa đường Lê Trọng Tấn vào đường An Bình.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Đấu nối và vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của khu nhà ở.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

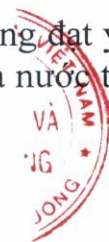
3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành công trình



xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



*[Handwritten signature]*



**Phụ lục 2**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **99** /GPMT-STNMT ngày **31** tháng **7** năm 2023  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải (mùi hôi) phát sinh từ bể tự hoại tháp 2 và từ hệ thống xử lý nước thải của dự án
- Nguồn số 02: Khí thải (mùi hôi) phát sinh từ bể tự hoại tháp 1.
- Nguồn số 03: Khí thải (mùi hôi) phát sinh từ bể tự hoại tháp 3.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

TT	Nguồn khí thải	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ (Hệ VN2.000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°)
1	Nguồn số 01, 02, 03	Dòng khí thải số 01	Tại ống thải sau công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải (Mái tháp 1)	X (m) = 1.202.708 Y (m) = 610.156
		Dòng khí thải số 02	Tại ống thải sau công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải (Mái tháp 3)	X (m) = 1.202.634 Y (m) = 610.173

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 1: lưu lượng xả khí thải tối đa là 2.322 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 2: lưu lượng xả khí thải tối đa là 2.322 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải: liên tục (24/24 giờ).**

**2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, K<sub>p</sub> = 1,0, K<sub>v</sub> = 0,8 và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ**



thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	6	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	NH <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	40		
3	CH <sub>3</sub> SH	mg/Nm <sup>3</sup>	15		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

#### 1.1. Mạng lưới thu gom khí thải để đưa về công trình xử lý:

Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ bể tự hoại tháp 2 và từ hệ thống xử lý nước thải (*bể điều hòa, bể xử lý sinh học thiếu khí, bể xử lý sinh học hiếu khí có giá thể, bể xử lý sinh học hiếu khí, bể chứa bùn*), từ bể tự hoại tháp 1 và bể tự hoại tháp 3 có thành phần chủ yếu là H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, CH<sub>3</sub>SH được thu bằng các đầu thu, các đường ống thông qua quạt hút (*công suất 3.240 m<sup>3</sup>/giờ của tháp 2, 336 m<sup>3</sup>/giờ của tháp 1, 336 m<sup>3</sup>/giờ của tháp 3*) qua các đường ống dẫn uPVC D168-D400mm về tháp hấp phụ bằng vật liệu than hoạt tính công suất 4.644 m<sup>3</sup>/giờ để xử lý.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (*mùi hôi*) → Hệ thống ống dẫn → Quạt hút (*lưu lượng 3.240 m<sup>3</sup>/giờ của tháp 2, 336 m<sup>3</sup>/giờ của tháp 1, 336 m<sup>3</sup>/giờ của tháp 3*) → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính (*tháp hình trụ, D = 1,5m, chiều cao 2,5m*) → Quạt hút (*lưu lượng 4.644 m<sup>3</sup>/giờ*) → Ống thải (*ống uPVC D273mm, chiều cao 0,3m so với tầng mái, cách mặt đất 143,9m*).

- Chế độ vận hành: liên tục.

- Tổng công suất thiết kế: 4.644 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính với khối lượng 2.400 kg/năm, tần suất thay than 03 tháng/lần.

#### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp phụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

K.H.C.N  
SỞ  
GUYỄN  
TRUỒN  
V.H.Đ.



- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Cùng với thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (dự kiến 03 tháng từ tháng 4 năm 2025 đến tháng 6 năm 2025).

### **2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:**

Công trình xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu:**

- Vị trí số 01: Tại ống thải số 01 (sau công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải (Mái tháp 1)). Tọa độ: X (m) = 1.202.708; Y (m) = 610.156 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Vị trí số 02: Tại ống thải số 02 (sau công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải (Mái tháp 3)). Tọa độ: X (m) = 1.202.634; Y (m) = 610.173 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

#### **2.3. Tần suất lấy mẫu:**

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp.

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy mẫu bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả thải ra môi trường của công trình xử lý bụi, khí thải).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu khí thải từ hoạt động sản xuất hoặc gây ô nhiễm môi trường.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **99** /GPM-TSTNMT ngày **31** tháng **7** năm 2023  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn: Khu vực công trình xử lý nước thải (Tại nhà điều hành: khu vực chứa máy bơm, máy thổi khí, các thiết bị liên quan đến công trình xử lý nước thải).

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Tọa độ: X (m) = 1.202.720; Y (m) = 610.183 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

**3. Tiếng ồn, độ rung:**

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành công trình xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông và đặt trong khu vực cách âm, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.



## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bao đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



A handwritten signature in blue ink is located at the bottom center of the page, below the main content area.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 99 /GPMT-STNMT ngày 31 tháng 7 năm 2023  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu
1	Than hoạt tính thải từ công trình xử lý khí thải (mùi hôi)	2.880	Rắn	12 01 04	NH
2	Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải	625	Rắn	16 01 06	NH
3	Dầu, nhớt, mỡ thải (dầu máy)	280	Lỏng	16 01 08	NH
4	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có chứa các thành phần nguy hại	250	Rắn/lỏng	16 01 09	KS
5	Chất tẩy rửa thải có chứa các thành phần nguy hại	630	Lỏng	16 01 10	KS
6	Pin thải, ắc quy chì thải	575	Rắn	16 01 12	NH
7	Linh kiện, thiết bị điện tử, đèn led	1.405	Rắn	16 01 13	NH
8	Bao bì mềm dính thành phần CTNH	250	Rắn	18 01 01	KS
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại có dính thành phần nguy hại	465	Rắn	18 01 02	KS
10	Bao bì nhựa cứng dính thành phần CTNH.	13	Rắn	18 01 03	KS
11	Giẻ lau dính dầu nhớt, dính thành phần CTNH.	135	Rắn	18 02 01	KS
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>7.508</b>			



**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn từ công trình xử lý nước thải	12 06 10	47.085
2	Bùn từ bể tự hoại	-	659.920
3	Dầu mỡ thải từ bể tách mỡ	12 06 11	47.815
4	Hộp mực in (mực in văn phòng)	08 02 08	182,5
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>755.002,5</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:** Khi dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các căn hộ, trường mầm non, khu thương mại - dịch vụ bao gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (*bao nilon, vỏ lon, thủy tinh, giấy vụn, ...*); chất thải thực phẩm (*rau quả, thực phẩm thừa, ...*), chất thải rắn công kênh và chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý với khối lượng phát sinh khoảng 4.554 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 07 thùng loại 240 lít (*lưu trữ than hoạt tính thải từ công trình xử lý khí thải (mùi hôi); bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải; chất tẩy rửa thải có chứa các thành phần nguy hại; linh kiện, thiết bị điện tử, đèn led; pin thải, ắc quy chì thải*) và 06 thùng loại 120 lít (*lưu trữ dầu, nhớt, mỡ thải (dầu máy); sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có chứa các thành phần nguy hại; bao bì mềm dính thành phần CTNH; bao bì cứng thải bằng kim loại có dính thành phần nguy hại; bao bì nhựa cứng dính thành phần CTNH; giẻ lau dính dầu nhớt, dính thành phần CTNH*) có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

**2.1.2. Kho lưu chứa:**

- 01 kho diện tích 12m<sup>2</sup> (đặt tại tầng trệt Khu chung cư) để lưu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại; trong đó diện tích khu vực lưu chứa chất thải nguy hại là 10m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách tường; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khí, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30 cm); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa);... theo quy định.



## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:**

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 01 thùng chứa loại 240 lít (*có nắp đậy*) để lưu chứa dầu mỡ thải. Bùn thải từ công trình xử lý nước thải được lưu chứa tại bể chứa bùn thể tích  $274\text{m}^3$ , định kỳ 04 tháng hút 01 lần; bùn phát sinh từ bể tự hoại chứa trong bể tự hoại. Riêng hộp mực in văn phòng sẽ được nhà cung cấp thu gom về sau khi sử dụng.

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 01 kho diện tích  $12\text{m}^2$  (đặt tại tầng trệt Khu chung cư) để lưu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại; trong đó diện tích khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường là  $02\text{m}^2$ .

## **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

### **2.3.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Tại mỗi tầng của mỗi tháp bố trí 01 phòng chứa chất thải (diện tích  $3,4\text{m}^2$  -  $5\text{m}^2$ /phòng) tại khu kỹ thuật gần sảnh thang (*03 thùng 240 lít khác màu chứa chất thải rắn sinh hoạt*).

### **2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:**

- Thiết kế, cấu tạo của nhà lưu chứa và phân loại chất thải rắn: Hầm chứa rác được xây dựng ngầm với kích thước khoảng  $5,5\text{m} \times 3,0\text{m} \times 3,7\text{m}$ ; có kết cấu bằng bê tông cốt thép, bên trong lắp đặt hệ thống container ép rác ngầm kích thước  $5,0\text{m} \times 2,5\text{m} \times 2,5\text{m}$ , container sẽ được nâng hạ bằng hệ thống kích thủy lực được thiết kế lắp đặt bên trong hầm. Bên trên nắp hầm rác là hệ thống trụ bỏ rác kích thước  $1,1\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1,4\text{m}$ , trụ bỏ rác có hệ thống để kẹp nâng các thùng rác 240 lít, 660lít. Rác thải sau khi được thu gom tập trung tại từng tầng (*được chứa trong các thùng có dung tích 240 lít*) sẽ được nhân viên thu gom vận chuyển tới khu vực nhà rác tập trung, tủ bỏ rác sẽ nâng kẹp thùng rác và đưa rác vào buồng ép (*container ép rác*), khi có rác, buồng ép sẽ tự động vận hành ép rác vào các thùng chứa và tự động dừng khi hết rác, buồng ép này hoạt động bằng xylanh thủy lực. Khi xe vận chuyển rác tới lấy rác, hệ thống kích thủy lực sẽ nâng toàn bộ container chứa rác lên và đổ rác vào xe vận chuyển, sau đó container sẽ được hạ ngầm (*qua hệ thống kích thủy lực*). Toàn bộ chu trình được khép kín.

## **2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại**

- Xây dựng quy định quản lý khu chung cư; hướng dẫn các hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*rác có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải phải xử lý, chất thải nguy hại*), phân loại chất thải, trang bị các bao bì, thùng chứa (dán nhãn theo từng loại rác thải) phù hợp để lưu giữ các loại chất thải; vận chuyển đến kho lưu chứa chung.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.



## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường An Bình và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Dĩ An theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp phường An Bình về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.



**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **99** /GPMT-STNMT ngày **31** tháng **1** năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)



1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

4. Đối với khối lượng đất dôi dư cần vận chuyển ra ngoài dự án (theo quy định về khoáng sản thì đây là loại khoáng sản làm vật liệu san lấp và phải được quản lý, cấp phép theo quy định), đề nghị liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xin cấp phép theo quy định pháp luật về khoáng sản.

5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công và đi vào hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

7. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.